TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1074/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 21-9-2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Dư Tuyết Lạnh

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Minh Đang

2. Bà Đặng Thu Vân

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Sinh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 207/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2017/QĐST–HNGĐ ngày 29/8/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Th, sinh năm 1981 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông T, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Phường M, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/02/2017 và các lời khai trong quá trình xét xử vụ án nguyên đơn bà Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 159 Quyển số 01/2003 ngày 18/8/2003). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến cuối năm 2012 thì giữa ông, bà đã phát sinh mâu

thuẫn thường xuyên cãi vã nhau, ông bà không cùng chung quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không đạt được hạnh phúc, ông T thường uống rượu, không quan tâm chăm sóc vợ con và cũng vào năm 2012 bà đã dắt 02 đứa con về nhà mẹ ruột của bà để sống, ông bà đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Vì vậy, bà nhận thấy không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân với ông T được nữa, nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung là trẻ T1, sinh ngày 28/01/2004 và trẻ T2, sinh ngày 27/01/2009 bà yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định không có.

Bị đơn ông T đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vẫn không đến Tòa án để trình bày quan điểm, vì vậy Tòa án tiến hành thủ tục để xét xử vắng mặt ông T theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa hôm nay: Bà Th có đơn xin xét xử vắng mặt trong đơn bà vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, về con chung tài sản chung, nợ chung bà vẫn giữ yêu cầu như đơn khởi kiện.

Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán theo đúng quy định tại Điều 48, Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật tố tụng về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

Nội dung: Bà Th và ông T có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp, trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến ly thân.

Về con chung: Có 02 con chung là trẻ T1 (nữ), sinh ngày 28/01/2004 và trẻ T2, sinh ngày 27/01/2009 bà Th yêu cầu được nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng, tại bản tự khai của trẻ T1, trẻ T2 cũng cho rằng hiện tại đang sống với mẹ và yêu cầu được tiếp tục sống với mẹ, nên cần giao con cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th khai không có nên không xét.

Về án phí ly hôn: Bà Th phải chịu theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì vậy việc bà Th có đơn yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Th và ông T có đăng ký kết hôn, bà Th yêu cầu ly hôn với ông T xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về "tranh chấp ly hôn".

Hiện nay, bị đơn ông T đang cư trú tại Quận 8, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thủ tục vắng mặt:

Bà Th là nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án không có sự tham gia của bà; Bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 159 Quyển số 01/2003 ngày 18/8/2003 tại Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, cùng lời khai của bà Th về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà Th và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Th Hội đồng xét xử thấy rằng từ lời khai của bà Th cho rằng trong quá trình kết hôn thời gian đầu cuộc sống của ông T và bà Th có hạnh phúc, sau đó thì vào khoảng năm 2012 thì giữa ông bà có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông T thường xuyên uống rượu, có hành vi dùng vũ lực với bà Th nên vào khoảng giữa năm 2012 bà Th đã dẫn 02 con về nhà mẹ ruột của bà để sống từ đó giữa ông bà không liên lạc, ông T cũng không có thiện chí hay lui tới hàn gắn tình cảm giữa ông bà. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân chỉ đạt được mục đích trên cơ sở yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình, đó cũng là quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Ông T dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ để mời ông cùng bà Th hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng ông T dù đã trực tiếp ký nhận văn bản tống đạt nhưng vẫn không đến Tòa án theo quy định. Bên cạnh đó ông T và bà Th cũng đã sống ly thân thời gian rất lâu từ cuối năm 2012 đến nay, đều đó cho thấy tình cảm giữa ông T và bà Th đã không còn, ông bà cũng không tôn trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm tổn thương tình cảm của nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng mâu

thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà Th yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận.

- Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống ông T và bà Th có 02 con chung là trẻ T1, sinh ngày 28/01/2004 theo giấy khai sinh số 41 quyển số 01/2004 của Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp và trẻ T2, sinh ngày 27/01/2009 theo giấy khai sinh số 46 quyển số 01/2009 của Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp do đó có căn cứ xác nhận đây là 02 con chung của ông T và bà Th. Bà Th có nguyện vọng được nuôi 02 con chung, tại các bản tự khai của trẻ T1 và trẻ T2 đều cho rằng hiện tại đang sống với mẹ và có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ, bên cạnh đó ông T không đến Tòa án nên chưa thể hiện được ý chí của ông. Vì vậy cần giao con cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông T đến khi các đương sự có yêu cầu khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà Th khai không có tài sản chung và nợ chung, mặt khác ông T không có mặt nên nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khi các đương sự có yêu cầu.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng, bà Th phải chịu (theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th về việc xin ly hôn với ông T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Th được ly hôn với ông T.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 159 Quyển số 01/2003 ngày 18/8/2003 của Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

- Về con chung: Có 02 con chung là trẻ T1, sinh ngày 28/01/2004 và trẻ T2, sinh ngày 27/01/2009, giao 02 con chung cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông T đến khi các đương sự có yêu cầu khác.

Bên không nuôi con có quyền thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức được quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà Th khai không có tài sản chung và nợ chung, mặt khác ông T không có mặt nên nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khi các đương sự có yêu cầu.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng bà Th phải chịu, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0026891 ngày 06/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dư Tuyết Lạnh